

Số: 1019/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Căn cứ Quyết định số 155CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-ĐHNT ngày 03/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định mở ngành và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Trưởng khoa Kỹ thuật Giao thông.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật tàu thủy, mã số 7520122.

**Điều 2.** Giao Khoa Kỹ thuật Giao thông quản lý chương trình đào tạo này.

**Điều 3.** Chương trình đào tạo này áp dụng từ Khóa 65.

**Điều 4.** Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTDH.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  


*Trang Thị Trung*



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH: KỸ THUẬT TÀU THỦY

(Kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-ĐHNT ngày 18 tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

a) Đơn vị được giao quản lý	Khoa Kỹ thuật giao thông
b) Tên chương trình	Kỹ thuật tàu thủy
c) Ngành đào tạo	Kỹ thuật tàu thủy
d) Mã số ngành đào tạo	7520122
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng việt
i) Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân Kỹ thuật tàu thủy
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	8/2023

## II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- PEO1: Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;
- PEO2: Có khả năng thiết kế và đóng, sửa vỏ tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau;
- PEO3: Có khả năng thiết kế, lắp đặt và bảo dưỡng hệ động lực tàu thủy;
- PEO4: Có khả năng thiết kế, lắp đặt và bảo dưỡng thiết bị tàu thủy;
- PEO5: Có tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật tàu thủy.

### 2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với CDR của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF)

CDR trình độ bậc 6 của VQF	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				
	1	2	3	4	5
1. Kiến thức thực tế, toàn diện, chuyên sâu về ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật	x				x
2. Kỹ năng nhận thức liên quan đến phân biện, phân tích, tổng hợp	x	x	x	x	
3. Kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp		x	x	x	
4. Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ	x				x

### 2.3. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				
	1	2	3	4	5
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x				
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x	x	x	
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp		x	x	x	x
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ		x	x	x	
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	x	x			x

## III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

*Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật tàu thủy, sinh viên có khả năng:*

1. PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
2. PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
3. PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; đạt chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
4. PLO4: Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn ngành kỹ thuật tàu thủy;
5. PLO5: Thiết kế vỏ tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau, đặc biệt tàu nghề cá;
6. PLO6: Đóng mới và sửa chữa vỏ tàu thủy bằng các loại vật liệu khác nhau;
7. PLO7: Thiết kế, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống thiết bị năng lượng tàu thủy;
8. PLO8: Thiết kế, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tàu thủy, đặc biệt là thiết bị khai thác thủy sản;
9. PLO9: Quản lý, điều hành, giám sát thi công, tổ chức sản xuất, có kỹ năng ngoại ngữ và tin học chuyên ngành trong lĩnh vực kỹ thuật tàu thủy;
10. PLO10: Có ý thức công dân, trách nhiệm cá nhân và xã hội, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong công việc.

### 3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra CTĐT và CĐR của VQF

CĐR (VQF)	Chuẩn đầu ra - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x	x		x	x	x	x	x		
2		x	x	x	x	x	x	x		
3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	x		x						x	x

### 3.3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x	x	x						x	x
2		x		x	x	x	x	x		
3				x	x	x	x	x		
4				x	x	x	x	x		
5			x						x	x

## IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Kỹ thuật tàu thủy có thể đảm nhận các công việc:

1. Cán bộ kỹ thuật tại các cơ sở thiết kế, đóng mới, sửa chữa tàu thủy;
2. Cán bộ kỹ thuật tại các cơ sở sản xuất thiết bị phụ trợ của ngành công nghiệp tàu thủy;
3. Cán bộ chuyên môn tại các cơ quan quản lý, đăng kiểm tàu thủy;
4. Cán bộ chuyên môn tại các cơ quan tư vấn, giám sát, bảo hiểm, giám định chất lượng tàu thủy;
5. Cán bộ giảng dạy hoặc nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo liên quan đến ngành Kỹ thuật tàu thủy.

## V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

<b>Thông tin tuyển sinh</b>	Theo quy định của Bộ và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Nha Trang.
<b>Điều kiện nhập học</b>	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
<b>Quy định đào tạo</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>
<b>Điều kiện tốt nghiệp</b>	Chi tiết tại website: <a href="http://www.ntu.edu.vn">www.ntu.edu.vn</a>

## VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Nội dung	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>	<b>58</b>	<b>39,2</b>	<b>52</b>	<b>35,1</b>	<b>6</b>	<b>4,1</b>
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	18	12,2	18	12,2	0	0,0
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	21	14,2	17	11,5	4	2,7
3	Ngoại ngữ	8	5,4	8	5,4	0	0,0
4	Thể chất và Quốc phòng – An ninh	11	7,4	9	6,1	2	1,4
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>90</b>	<b>60,8</b>	<b>30</b>	<b>54,1</b>	<b>10</b>	<b>6,8</b>
1	Cơ sở ngành	39	26,4	35	23,6	4	2,7
2	Ngành	41	27,7	35	23,6	6	4,1
3	Tốt nghiệp	10	6,8	10	6,8	0	0,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>148</b>	<b>100</b>	<b>132</b>	<b>89,2</b>	<b>16</b>	<b>10,8</b>

## VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ							
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>			<b>148</b>	<b>Bắt buộc</b>				<b>20</b>	<b>16</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>10</b>
				<b>Tự chọn</b>				<b>-</b>	<b>1*</b>	<b>1*</b>	<b>2*</b>	<b>2*</b>	<b>6*</b>	<b>4*</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Giáo dục tổng quát</b>		<b>58</b>												
<b>I.1</b>	<b>Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật</b>		<b>18</b>												
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>18</b>					<b>5</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>5</b>			<b>2</b>	
1	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45				3							
2	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		1			2						
3	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		1				2					
4	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2,3								2	
5	POL310	Lịch sử ĐCSVN	2	30		2,3					2				
6	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30				2							
7	SSH378	Tư duy phản biện	3	45							3				
8	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30						2					
<b>I.2</b>	<b>Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường</b>		<b>21</b>												
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>17</b>					<b>9</b>	<b>5</b>	<b>3</b>					
9	MAT327	Toán 1	3	45				3							
10	MAT328	Toán 2	2	30					2						
11	MAT322	Xác suất - Thống kê	3	45		9				3					
12	PHY310	Vật lý đại cương 1	3	45				3							
13	PHY311	Thực hành vật lý đại cương 1	1		15	12		1							
14	CHE388	Hóa học đại cương B	2	30				2							
15	SOT381	Tin học đại cương A (LT+TH)	3	45					3						
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>4*</b>											<b>4*</b>	
16.1	SSH383	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2*	30										2*	
16.2	BUA319	Nhập môn Quản trị học	2*	30										2*	
17.1	SSH380	Văn hóa Việt Nam	2*	30										2*	
17.2	SSH381	Thường thức mỹ thuật	2*	30										2*	
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>8</b>					<b>4</b>	<b>4</b>						
18		Ngoại ngữ 1	4	60				4							
19		Ngoại ngữ 2	4	60					4						
<b>I.4</b>	<b>Thể chất và Quốc phòng - An ninh</b>		<b>11</b>												
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>9</b>					<b>1</b>							

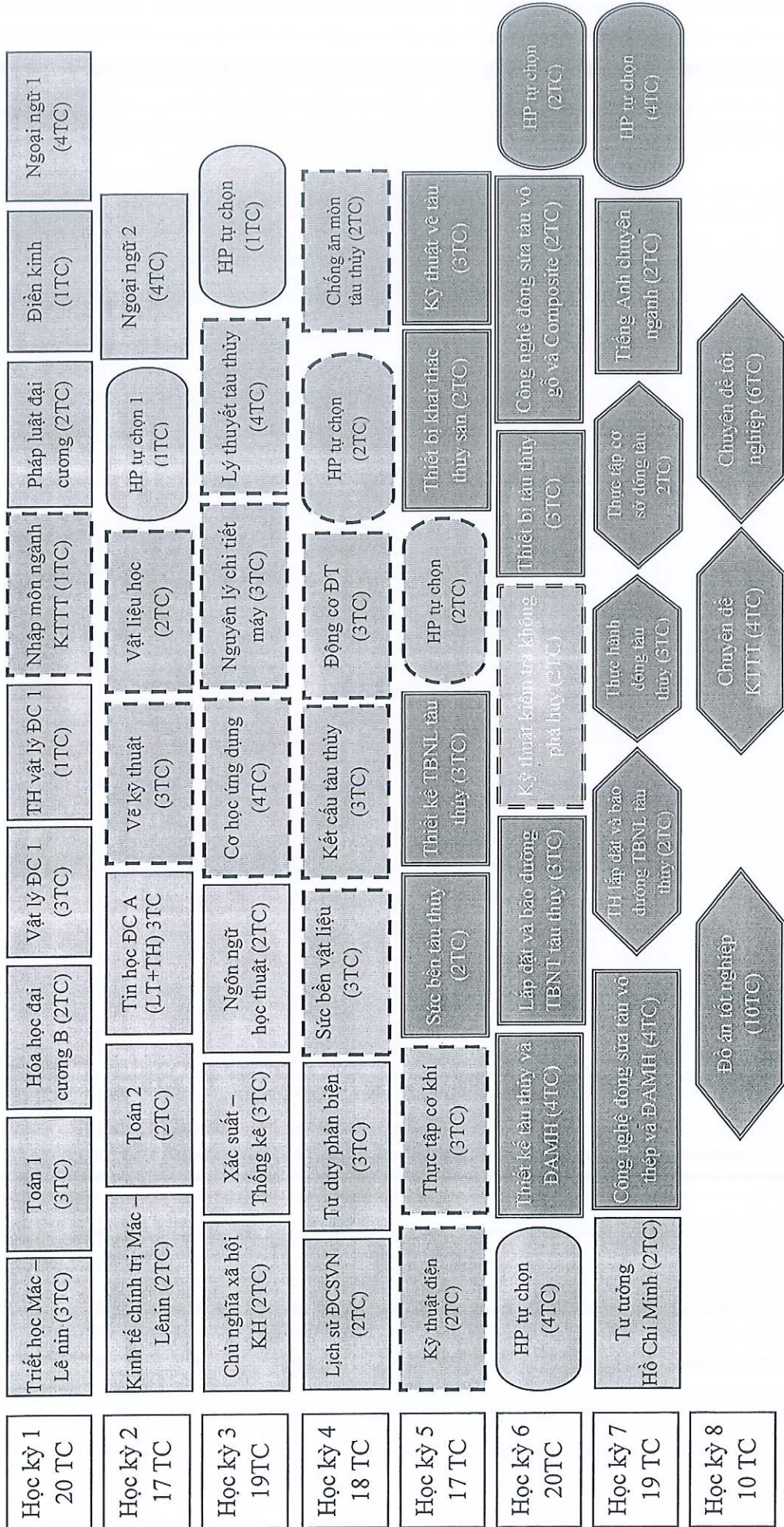
TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	
20	QPAD011	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3	45				8 <sup>1</sup>								
21	QPAD02	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30												
22	QPAD033	Quân sự chung	1	15												
23	QPAD044	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	30												
24	85065	Điền kinh	1	5	10			1								
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>2*</b>						<b>1*</b>	<b>1*</b>						
25	85097	Bóng đá	<b>1*</b>	5	10				<b>1*</b>							
26.1	85098	Bóng chuyền	<b>1*</b>	5	10				<b>1*</b>							
26.2	85105	Cầu lông	<b>1*</b>	5	10				<b>1*</b>							
26.3	85108	Taekwondo	<b>1*</b>	5	10					<b>1*</b>						
26.4	85066	Boi lội	<b>1*</b>	5	10					<b>1*</b>						
26.5	851111	Aerobic	<b>1*</b>	5	10					<b>1*</b>						
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>90</b>													
<b>II.1</b>	<b>Cơ sở ngành</b>		<b>39</b>													
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>35</b>					<b>1</b>	<b>5</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>5</b>	<b>2</b>			
27		Nhập môn kỹ thuật tàu thủy	1	15				1								
28		Vẽ kỹ thuật	3	45					3							
29		Cơ học ứng dụng	4	60						4						
30		Sức bền vật liệu	3	45		29					3					
31		Vật liệu học	2	30					2							
32		Nguyên lý chi tiết máy	3	45		28				3						
33		Kỹ thuật điện	2	30								2				
34		Lý thuyết tàu thủy	4	53	7	28				4						
35		Kết cấu tàu thủy	3	38	7	34					3					
36		Động cơ đốt trong	3	45		32					3					
37		Thực tập cơ khí	3		45	28						3				
38		Kỹ thuật kiểm tra không phá hủy	2	23	7	35							2			
39		Chống ăn mòn tàu thủy	2	30		35					2					
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>4*</b>								<b>2*</b>	<b>2*</b>				
40.1		Dung sai và đo lường	<b>2*</b>	30		28					<b>2*</b>					
40.2		Phương pháp NCKH	<b>2*</b>	30								<b>2*</b>				
41.1		Kỹ thuật thủy khí	<b>2*</b>	25	5	29					<b>2*</b>					

<sup>1</sup> Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	HP song hành	Phân bố từng Học kỳ								
				LT	TH			1	2	3	4	5	6	7	8	
41.2		Kỹ thuật an toàn ngành KTTT	2*	30								2*				
<b>II.2</b>	<b>Ngành</b>		<b>41</b>													
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>35</b>									<b>10</b>	<b>12</b>	<b>13</b>		
42		Sức bền tàu thủy	2	30		35						2				
43		Thiết kế thiết bị năng lượng tàu thủy	3	30	15	36						3				
44		Kỹ thuật vẽ tàu	3	15	30	35						3				
45		Lắp đặt và bảo dưỡng TBNL tàu thủy	3	45		36							3			
46		Thiết kế tàu thủy và ĐAMH	4	45	15	42							4			
47		Công nghệ đóng sửa tàu vỏ gỗ và Composite	2	25	5	35							2			
48		Thực hành lắp đặt và bảo dưỡng TBNL tàu	2		30	45									2	
49		Thiết bị tàu thủy	3	38	7	35							3			
50		Công nghệ đóng sửa tàu vỏ thép và ĐAMH	4	45	15	35									4	
51		Thiết bị khai thác thủy sản	2	25	5	35						2				
52		Tiếng Anh chuyên ngành	2	15	15	35									2	
53		Thực hành đóng tàu thủy	3		45	35									3	
54		Thực tập cơ sở đóng tàu (6 tuần)	2		30	35									2	
<b>Các HP tự chọn</b>			<b>6*</b>											<b>2*</b>	<b>4*</b>	
55.1		Nội thất tàu thủy	2*	30		50								2*		
55.2		Tin học ứng dụng chuyên ngành	2*	15	15	46								2*		
56		Đường ống tàu thủy	2*	30		43									2*	
57.1		Hàn tàu thủy	2*	30		35									2*	
57.2		Điện tàu thủy	2*	23	7	33									2*	
<b>II.3</b>	<b>Tốt nghiệp</b>		<b>10</b>													<b>10</b>
<b>Các HP bắt buộc</b>			<b>10</b>													<b>10</b>
58		Đồ án tốt nghiệp	10													10
<i>Đối với SV không làm đồ án tốt nghiệp</i>																
59.1		Chuyên đề Kỹ thuật tàu thủy	4													4
59.2		Chuyên đề tốt nghiệp	6													6

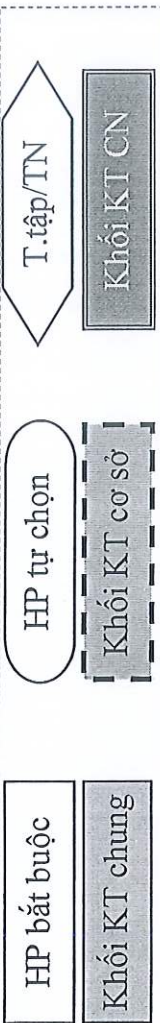
Ghi chú: Các tín chỉ in nghiêng hoặc có dấu "\*" là của học phần tự chọn.

**7.2 Lưu đồ đào tạo**



**Ghi chú:** (1) Các biểu thị của hình dạng khung:

(2) Chỉ thị màu/viên:





## 7.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của Học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra (PLOs)										Tổng				
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10					
I	Giáo dục tổng quát																
I.1	<i>Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật</i>																
1	Triết học Mác - Lênin	3	M	I													1I+1M
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	M	I													1I+1M
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	M	I													1I+1M
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	M	I													1I+1M
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	M	I													1I+1M
6	Pháp luật đại cương	2	M	I													1I+1M
7	Tư duy phản biện	3		R	M										I		1I+1R+1M
8	Ngôn ngữ học thuật	2		R	M									I			1I+1R+1M
I.2	<i>Toán, Tin học, Tự nhiên, CN&amp;MT</i>																
9	Toán 1	3		M			R										1R+1M
10	Toán 2	2		R			R										2R
11	Xác suất - Thống kê	3		M			R										1R+1M
12	Vật lý đại cương 1	3		M			R										1R+1M
13	Thực hành vật lý đại cương 1	1		M													1M
14	Hóa học đại cương B (LT)	2		M			R										1R+1M
15	Tin học đại cương A (LT+TH)	3			M									R			1R+1M
16.1	<i>Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo</i>	2		x	x										x		x
16.2	<i>Nhập môn Quản trị học</i>	2		x	x										x		x
17.1	<i>Văn hóa Việt Nam</i>	2		x	x												x
17.2	<i>Thường thức mỹ thuật</i>	2		x	x											x	x
I.3	<i>Ngoại ngữ</i>																
18	Ngoại ngữ 1	4		I	M									R			1I+1R+1M

19	Ngoại ngữ 2	4		I	M					R		1I+1R+1M
<b>I.4 Thể chất và QP-AN</b>												
20	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3										
21	Công tác quốc phòng và an ninh	2	M									1M
22	Quân sự chung	1										
23	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2										
24	Điện kinh	1										
25	Bóng đá	1										
26.1	Bóng chuyền	1										
26.2	Cầu lông	1	M									1M
26.3	Taekwondo	1										
26.4	Bơi lội	1										
26.5	Aerobic	1										
<b>II Giáo dục chuyên nghiệp</b>												
<b>II.1 Cơ sở ngành</b>												
27	Nhập môn kỹ thuật tàu thủy	1			I	I				I		3I
28	Vẽ kỹ thuật	3				R	I			I		2I+1R
29	Cơ học ứng dụng	4				R	I			I	I	3I+R
30	Sức bền vật liệu	3				R	R			R	R	4R
31	Vật liệu học	2				R	I			R	I	3I+2R
32	Nguyên lý chi tiết máy	3				R	I			R	I	3I+2R
33	Kỹ thuật điện	2				R	I			I	I	4I+1M
34	Lý thuyết tàu thủy	4				M	M			R	R	1I+3R+2M
35	Kết cấu tàu thủy	3				I	M			M	I	3I+3M
36	Động cơ đốt trong	3				M	M			R	R	1I+2R+1M
37	Thực tập cơ khí	3				R	M					1I+2R+1M
38	Kỹ thuật kiểm tra không phá hủy	2				R	R			R	R	2R
39	Chống ăn mòn tàu thủy	2				R	R			I	R	1I+2R



#### 7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

### VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.


Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

### IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN


Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác như nước uống, căn tin, y tế,...

TRƯỞNG KHOA/VIỆN

  
Nguyễn Văn Vũ

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

  
Nguyễn Văn Hồng Trú

HIỆU TRƯỞNG 



Trang Pi Trung